

Bản án số: 53/2026/KDTM - ST

Ngày: 20 – 5 – 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Lễ.

- Ông Nguyễn Thanh Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2026/TLST- KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST - KDTM ngày 15 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH G1; Tầng D (Block B) Tòa nhà Khải Hoàn B, số A Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hoàn A, sinh 1982; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026), địa chỉ liên lạc: Tầng D (Block B) Tòa nhà Khải Hoàn B, số A Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Số H đường số H, Khu công nghiệp V - Singapore, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Soo G, chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2026, đơn khởi kiện bổ sung ngày

05/3/2026, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH G1 (gọi tắt là công ty G1) và Công ty TNHH Đ (gọi tắt là công ty Đ) thỏa thuận ký Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/6/2024 thỏa thuận mua bán sản phẩm hạt nhựa nguyên sinh, tại hợp đồng nguyên tắc hai bên thống nhất thỏa thuận những điều khoản chung như: Về mặt hàng, số lượng, chất lượng, đơn giá, hình thức thanh toán, bao bì, thời gian giao hàng, địa điểm và điều kiện giao hàng, điều khoản chung, kiểm tra và trọng tài. Hợp đồng này đã được người đại diện hợp pháp của hai bên ký kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/12/2025, Công ty TNHH G1 và Công ty TNHH Đ có thỏa thuận mua bán sản phẩm Hạt nhựa nguyên sinh thông qua các đơn đặt hàng ngày 01/9/2025, đơn đặt hàng ngày 01/10/2025, đơn đặt hàng ngày 01/11/2025, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty G1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 ngày 30/09/2025, IC25TVN251 ngày 30/10/2025, IC25TVN279 ngày 28/11/2025 và gửi cho công ty Đ để yêu cầu thanh toán, cụ thể:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 ngày 30/09/2025 số tiền: 913.897.080 đồng, ngày đến hạn thanh toán 30/10/2025, số tiền còn nợ: 213.897.080 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 ngày 30/10/2025 số tiền: 495.325.908 đồng, ngày đến hạn thanh toán 30/11/2025, số tiền còn nợ: 495.325.908 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 ngày 28/11/2025 số tiền: 556.869.600 đồng, ngày đến hạn thanh toán 28/12/2025, số tiền còn nợ: 556.869.600 đồng.

Vào ngày 28/11/2025, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và ký kết Biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận số tiền nợ tính đến thời điểm đối chiếu là 1.966.092.588 đồng.

Ngày 16/12/2025, Công ty TNHH Đ đã thanh toán cho Công ty G1 số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), số tiền này được trừ vào số tiền nợ nhiều nhất và lâu nhất là theo hóa đơn số IC25TVN219 ngày 30/09/2025, do đó số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán tính đến nay là 1.266.092.588 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhắc bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện, nguyên đơn có gửi Công văn yêu cầu thanh toán công nợ ngày 12/01/2026 cho bị đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa có thiện chí thanh toán nợ còn lại cho nguyên đơn, mặt khác quá trình tố tụng bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cũng không đến tòa án làm việc.

Việc bị đơn không thanh toán số tiền còn lại như trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên tại các đơn khởi kiện nguyên đơn yêu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền còn nợ là 1.266.092.588 đồng.

+ Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán cho Công ty TNHH G1 tiền lãi chậm trả tính đến ngày 26/02/2026 số tiền là 33.674.574 đồng; lãi suất đề nghị áp dụng là mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, tạm tính 12%/năm.

Số tiền lãi tính cụ thể từng hóa đơn như sau:

Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 xuất ngày 30/09/2025, số ngày chậm trả là 119 ngày (tính từ ngày 01/11/2025 đến 26/02/2026), số tiền lãi 8.358.310 đồng.

Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 xuất ngày 30/10/2025, số ngày chậm trả là 88 ngày (tính từ ngày 01/12/2025 đến 26/02/2026), số tiền lãi 14.331.439 đồng.

Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 xuất ngày 28/11/2025, số ngày chậm trả là 60 ngày (tính từ ngày 29/12/2025 đến 26/02/2026), số tiền lãi 10.984.825 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, cụ thể: Nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất là 10%/năm, thay đổi thời gian tính lãi đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 xuất ngày 30/09/2025 từ ngày 17/12/2025 đến ngày 26/02/2026 (71 ngày). Số tiền lãi yêu cầu bị đơn thanh toán đối với từng hóa đơn như sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 xuất ngày 30/09/2025, tiền lãi 4.218.526 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 xuất ngày 30/10/2025, tiền lãi 11.942.866 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 xuất ngày 28/11/2025, tiền lãi 9.153.952 đồng. Tổng tiền lãi yêu cầu bị đơn thanh toán là 25.315.344 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/6/2024 được ký kết giữa Công ty TNHH G1 và Công ty TNHH Đ; bản pho to đơn đặt hàng ngày 01/9/2025, đơn đặt hàng ngày 01/10/2025, đơn đặt hàng ngày 01/11/2025 (bản pho to); bản pho to các Hóa đơn giá trị gia tăng số 219 ngày 30/9/2025, số 251 ngày 30/10/2025, số 279 ngày 28/11/2025; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2025, ngày 31/10/2025, ngày 28/11/2025; Công văn yêu cầu thanh toán công nợ ngày 12/01/2026 kèm theo phiếu gửi bưu điện, gửi qua email (pho to); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH G1 (bản chứng thực); Điều lệ Công ty TNHH G1 + sửa đổi; Quyết định thay đổi địa chỉ Công ty TNHH G1; Quyết định thay đổi chủ sở hữu công ty (bản pho to); Giấy ủy quyền ngày 26/01/2026, căn cước công dân người được ủy quyền (pho to);

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng; triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn không chấp hành và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh
phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định pháp luật, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/6/2024 về việc mua bán sản phẩm hạt nhựa nguyên sinh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên tiếp tục thực hiện việc mua bán thông qua các đơn đặt hàng ngày 01/9/2025, ngày 01/10/2025 và ngày 01/11/2025. Theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 ngày 30/9/2025 số tiền còn nợ 213.897.080 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 ngày 30/10/2025 số tiền 495.325.908 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 ngày 28/11/2025 số tiền 556.869.600 đồng theo đúng thỏa thuận. Ngày 28/11/2025, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận số tiền nợ là 1.966.092.588 đồng. Ngày 16/12/2025, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng nên số tiền nợ gốc còn lại là 1.266.092.588 đồng. Tuy nhiên, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán công nợ và gửi Công văn yêu cầu thanh toán công nợ ngày 12/01/2026 nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 1.266.092.588 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 26/02/2026, số tiền 25.315.344 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty G1 khởi kiện bị đơn Công ty Đ yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Tranh chấp về hợp đồng mua bán

hàng hóa theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Số H đường số H, Khu công nghiệp V - Singapore, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, cụ thể: Nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất là 10%/năm, đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 xuất ngày 30/09/2025 nguyên đơn xác định lại thời gian tính lãi từ ngày 17/12/2025 đến ngày 26/02/2026 (71 ngày) với số tiền 4.218.526 đồng. Tổng tiền lãi yêu cầu bị đơn thanh toán là 25.315.344 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền 1.266.092.588 đồng thấy rằng: Theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/6/2024 thì Công ty TNHH G1 và Công ty TNHH Đ có thỏa thuận mua bán sản phẩm hạt nhựa nguyên sinh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên tiếp tục giao dịch thông qua các đơn đặt hàng ngày 01/9/2025, ngày 01/10/2025 và ngày 01/11/2025. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc nêu trên, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn VAT, công ty TNHH G1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 ngày 30/9/2025 số tiền 913.897.080 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 ngày 30/10/2025 số tiền 495.325.908 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 ngày 28/11/2025 số tiền 556.869.600 đồng cho Công ty TNHH Đ, đồng thời, Công ty G1 và Công ty Đ đã tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 30/9/2025, ngày 31/10/2025 và ngày 28/11/2025 có sự xác nhận ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp của hai bên công ty.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/11/2025, Công ty TNHH Đ xác nhận còn nợ Công ty TNHH G1 số tiền 1.966.092.588 đồng. Ngày 16/12/2025, Công ty TNHH Đ đã thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền 700.000.000 đồng, do đó số tiền nợ gốc còn lại là 1.266.092.588 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán là đã vi phạm Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc nêu trên, vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 1.266.092.588 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 26/02/2026, lãi suất 10%/năm, số tiền 25.315.344 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi*

phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”.

Do đó, bị đơn chưa thanh toán tiền nợ gốc nêu trên cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N1,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

Hiện nay, tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng nêu trên được áp dụng khoảng 11,6%/ năm. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán như sau:

+ Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN219 ngày 30/09/2025 số tiền: 913.897.080 đồng, ngày đến hạn thanh toán 30/10/2025, ngày 28/11/2025 hai bên đã đối chiếu công nợ. Đến ngày 16/12/2025 bị đơn thanh toán số tiền 700.000.000 đồng, số tiền còn nợ: 213.897.080 đồng, do đó bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền còn nợ từ ngày 17/12/2025 đến ngày ngày 26/02/2026 (71 ngày), số tiền 4.218.526 đồng.

+ Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN251 ngày 30/10/2025 số tiền: 495.325.908 đồng, ngày đến hạn thanh toán 30/11/2025, số tiền còn nợ: 495.325.908 đồng, bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền còn nợ từ ngày 01/12/2025 đến ngày ngày 26/02/2026 (88 ngày), số tiền 11.942.866 đồng.

+ Đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số IC25TVN279 ngày 28/11/2025 số tiền: 556.869.600 đồng, ngày đến hạn thanh toán 28/12/2025, số tiền còn nợ: 556.869.600 đồng, bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền còn nợ từ ngày 29/12/2025 đến ngày ngày 26/02/2026, số tiền 9.153.952 đồng.

Tổng cộng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 25.315.344 đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G1 đối với Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH G1 tổng số tiền: 1.291.407.932 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi một triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Trong đó:

+ Tiền nợ gốc: 1.266.092.588 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

+ Tiền lãi 25.315.344 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019, 2025.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Đ phải chịu 50.742.238 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH G1 số tiền 24.991.389 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi một nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011726 ngày 09 tháng 02 năm 2026 và số tiền 3.000.0000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014508 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18, Tp. Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh